TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1211/2020/KDTM-ST
Ngày: 30/12/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyến.

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2020/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 317/202020/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH HD.

Địa chỉ: Số LK, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Lê Thanh N, địa chỉ đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 15/01/2020).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà N có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần G1.

Địa chỉ: Đường N, phường K, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N, địa chỉ tổ M, xã LN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đại diện hợp pháp của bị đơn ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 23/12/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH HD có bà Phan Lê Thanh N trình bày: Ngày 02/01/2018 Công ty TNHH HD (sau đây gọi tắt Công ty HD) và công ty Cổ phần NGH (tên mới Công ty Cổ phần G1, sau đây gọi tắt công ty G1) ký hợp đồng mua bán số: 03/2018/HĐST, theo hợp đồng thì Công ty HD bán cho công ty G1các hàng hóa là sắt thép các loại, lưới rào, kẽm gai, kẽm cột. Theo thoả thuận của hợp đồng, thì công ty HD đã giao hàng hoá đúng số lượng, quy cách, chất lượng cho công ty G1 nhưng đã quá thời hạn thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng mà công ty G1 vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng cho Công ty HD. Ngày 01/10/2019, giữa Công ty HD và công ty G1 xác nhận bảng đối chiếu công nợ. Theo bảng đối chiếu công nợ ngày 01/10/2019, công ty G1 xác nhận còn nợ của Công ty HD số tiền 447.271.993 đồng bao gồm: Số tiền gốc 340.042.485 đồng và số tiền 107.229.508 đồng lãi tính từ ngày 02/02/2018 đến ngày 30/9/2019. Sau khi, Công ty HD và công ty G1 đã đối chiếu công nợ ngày 01/10/2019, thì công ty G1vẫn không thanh toán nợ cho Công ty HD. Đến ngày 05/11/2019 thì công ty G1 có văn bản số 041119/CV- G1 đề nghị Công ty HD gia hạn thanh toán cho công ty G1 đến ngày 31/3/2020 và ngưng tính lãi từ tháng 10/2019. Do công ty G1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho Công ty HD nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc công ty G1 trả cho Công ty HD tổng số tiền 463.253.990 đồng của hợp đồng mua bán số: 03/2018/HĐST ngày 02/01/2018, trả 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật bao gồm các khoản sau:

+ Số tiền: 447.271.993 theo bảng đối chiếu công nợ ngày 01/10/2019 gồm: Gốc 340.042.485 đồng và lãi số tiền 107.229.508 đồng tính từ ngày 02/02/2018 đến ngày 30/9/2019.

+ Số tiền là 15.981.997 đồng là tiền lãi do chậm thanh toán số tiền gốc 340.042.485 đồng theo thư đề nghị gia hạn trả nợ số 041119/CV-G1 ngày 05/11/2019 của Công ty G1 tính từ ngày 01/4/2020 tạm tính đến ngày 09/10/2020 với mức lãi suất là 9%/năm.

Bị đơn: Công ty Cổ phần G1 có công văn số 0112/CV/G1/2020 ngày 12/11/2020 giải trình chuyển đến Tòa bằng đường bưu điện với nội dung sau:

Căn cứ theo hợp đồng mua bán số: 03/2018/HĐST của công ty G1 và Công ty HD và bảng đối chiếu công nợ ngày 01/10/2019 của công ty G1 và Công ty HD. Công ty G1 đồng ý và xác nhận số công nợ trên là thật, luôn cố gắng khắc phục khó khăn, vận hành hệ thống tổ chức để chi trả khoản công nợ trên. Công ty G1 luôn gặp nhiều khó khăn đặc biệt bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nên có sự trễ hạn chi trả công nợ với Công ty HD. Công ty G1 làm đơn này, mong muốn xem xét gia hạn công nợ, sẽ nổ lực giải quyết thanh toán các khoản nợ trước ngày 20/01/2021 với Công ty HD.

Tại phiên Tòa:

- Hội đồng xét xử xem xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/12/2020 của đại diện nguyên đơn bà Phan Lê Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Công ty HD. Buộc công ty G1 trả cho Công ty HD tổng số tiền 470.224.860 đồng của hợp đồng mua bán số: 03/2018/HĐST ngày 02/01/2018, trả 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật gồm các khoản sau:

+ Số tiền: 447.271.993 theo bảng đối chiếu công nợ ngày 01/10/2019 gồm: Số tiền gốc 340.042.485 đồng và lãi số tiền 107.229.508 đồng tính ngày 02/02/2018 đến ngày 30/9/2019.

+ Số tiền là 22.952.867 đồng là tiền lãi do chậm thanh toán số tiền gốc 340.042.485 đồng theo thư đề nghị gia hạn trả nợ số 041119/CV-G1 ngày 05/11/2019 của Công ty G1 tính từ ngày 01/4/2020 tạm tính đến ngày 30/12/2020 là 9 tháng với mức lãi suất là 9%/năm.

- Bị đơn Công ty G1 vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty HD.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty HD khởi kiện công ty G1 trả số tiền chưa thanh toán phát sinh từ hợp đồng mua bán số: 03/2018/HĐST

ngày 02/01/2018 về mua bán sắt thép các loại, lưới rào, kẽm gai, kẽm cột được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định thì nơi bị đơn công ty G1 có trụ sở tại đường N, phường K, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Bị đơn công ty G1 được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn công ty G1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt công ty G1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Đại diện nguyên đơn bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên Tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn Công ty HD, xét: Yêu cầu buộc công ty G1 trả cho Công ty HD tổng số tiền 470.224.860 đồng của hợp đồng mua bán số: 03/2018/HĐST ngày 02/01/2018, trả 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật gồm các khoản sau:

+ Số tiền: 447.271.993 theo bảng đối chiếu công nợ ngày 01/10/2019 gồm: Số tiền gốc 340.042.485 đồng và lãi số tiền 107.229.508 đồng tính ngày 02/02/2018 đến ngày 30/9/2019.

+ Số tiền là 22.952.867 đồng là tiền lãi do chậm thanh toán số tiền gốc 340.042.485 đồng tính từ ngày 01/4/2020 tạm tính đến ngày 30/12/2020 là 9 tháng với mức lãi suất là 9%/năm, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Căn cứ vào Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 thì hợp đồng mua bán số: 03/2018/HĐST ngày 02/01/2018 ký kết giữa Công ty HD và công ty G1 (tên cũ Công ty NGH) về việc Công ty HD cung cấp vật tư cho công ty G1 gồm: Sắt thép các loại, lưới rào, kẽm gai, kẽm cột là phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Tại Điều 3 của hợp đồng mua bán số: 03/2018/HĐST ngày 02/01/2018 quy định về phương thức thanh toán như sau: " *Thời hạn thanh toán sẽ được hai bên thỏa thuận theo mỗi đợt đặt hàng*", nên theo bảng đối chiếu công nợ khách hàng: SAT00720 – công ty CP G1(công ty cổ phần

NGH) ngày 01/10/2019 được xác nhận giữa Công ty HD và công ty G1, có thể hiện chi tiết là công ty G1 với tổng dư nợ cuối kỳ số tiền 447.271.993 trong đó: Dư nợ cuối kỳ số tiền 340.042.485 đồng và lãi số tiền 107.229.508 đồng tính ngày 02/02/2018 đến ngày 30/9/2019. Ngày 05/11/2019, công ty G1 đã có thư đề nghị số 041119/CV- G1 và thừa nhận chưa thanh toán theo bảng đối chiếu công nợ mua hàng cho Công ty HD đến ngày 30/9/2019 số tiền 340.042.485 đồng và lãi số tiền 107.229.508 và đề nghị Công ty HD gia hạn cho Công ty G1 thanh toán đến ngày 31/3/2020 đồng thời ngưng tính lãi từ tháng 10/2019. Ngày 12/11/2020 công ty G1 gửi công văn số 0112/CV/G1/2020 cho Công ty HD để xin gia hạn thanh toán trước ngày 20/01/2021 số tiền mua hàng chưa thanh toán theo bảng đối chiếu công nợ ngày 01/10/2019, nhưng Công ty HD vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là công ty G1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng được quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005, nên yêu cầu của Công ty HD buộc công ty G1 trả số tiền 447.271.993 theo bảng đối chiếu công nợ ngày 01/10/2019 được xác nhận giữa Công ty HD và công ty G1 là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi do chậm thanh toán:

[2.3.1] Tại Điều 3 của hợp đồng mua bán số: 03/2018/HĐST ngày 02/01/2018 quy định về phương thức thanh toán như sau: " *Trường hợp bên B chậm thanh toán bất kỳ khoản tiền mua hàng hóa nào theo thỏa thuận của từng đơn đặt hàng, thì bên B sẽ phải trả cho bên A số tiền bằng số tiền thanh toán chậm thanh toán cộng thêm lãi suất cho khoản tiền chậm thanh toán là 0,75%/tháng tính từ ngày tiếp theo sau khi kết thúc thời hạn thanh toán theo thỏa thuận của mỗi đơn đặt hàng*.", thì theo bản đối chiếu công nợ ngày 01/10/2019 được xác nhận giữa Công ty HD và công ty G1 thể hiện công ty G1 dư nợ cuối kỳ số tiền 340.042.485 đồng và công ty G1 đề nghị gia hạn cho công ty G1 theo thư đề nghị số 041119/CV- G1 ngày 05/11/2019 thanh toán số tiền là 340.042.485 đồng và lãi số tiền 107.229.508 đến ngày 31/3/2020, ngưng tính lãi từ tháng 10/2019. Ngày 12/11/2020 công ty G1 gửi công văn số 0112/CV/G1/2020 cho Công ty HD để xin gia hạn thanh toán trước ngày 20/01/2021 số tiền mua hàng chưa thanh toán theo bảng đối chiếu công nợ ngày 01/10/2019 và Công ty HD vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu buộc Công ty G1 trả tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/12/2020 là 9 tháng của nợ gốc số tiền 340.042.485 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.3.2] Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: " *Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch*

vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.", thì căn cứ theo các công văn số 1072/NHN$_o$3-TD ngày 19/8/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 3 cung cấp thông tin về mức lãi suất nợ quá hạn đối với pháp nhân trung bình là 13,5%/năm, công văn số 3378/CV.QLN.20 ngày 01/9/2020 của Ngân hàng TMCP Á Châu cung cấp thông tin về mức lãi suất nợ quá hạn đối với doanh nghiệp trung bình là 12,75%/năm, công văn số 655/BIDV.BCH-QLRR ngày 03/11/2020 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Chiểu cung cấp thông tin về mức lãi suất nợ quá hạn đối với doanh nghiệp trung bình là 10,5%/năm nhưng Công ty HD yêu cầu với mức lãi suất 9%/năm để tính lãi chậm thanh toán là có lợi cho công ty G1 và phù hợp với quy định của pháp luật, có cơ sở xem xét nên chấp nhận.

[2.3.3] Vì vậy, từ những căn cứ có cơ sở được xem xét chấp nhận nêu trên. Nên, Công ty HD yêu cầu công ty G1 trả tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền gốc 340.042.485 đồng x 9 tháng x 9%/năm số tiền là 22.952.867 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn công ty G1 phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty HD được chấp nhận số tiền là 22.808.994 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 24, Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH HD .

Buộc Công ty Cổ phần G1 trả cho Công ty TNHH HD tổng số tiền 470.224.860 gồm: Nợ gốc số tiền 340.042.485 đồng, tiền lãi số tiền 107.229.508 đồng tính từ ngày 02/02/2018 đến ngày 30/9/2019 và tiền lãi do chậm thanh toán số tiền 22.952.867 đồng tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/12/2020 của hợp đồng mua bán số: 03/2018/HĐST ngày 02/01/2018. Việc trả tiền được thực hiện 1 lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn nợ trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Về án phí kinh doanh thương mại: Công ty Cổ phần G1 phải chịu án phí là 22.808.994 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Công ty TNHH HD số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.489.480 đồng theo biên lai thu số 0007161 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo

Nguyên đơn Công ty TNHH HD và bị đơn Công ty Cổ phần G1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nơi nhận :
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn